



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
NĂM 2014

MỤC LỤC

Phần I – Thông tin chung	trang 2
Phần II – Tình hình hoạt động trong năm	trang 13
Phần III – Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	trang 16
Phần IV – Đánh giá của HĐQT về hoạt động Công ty	trang 20
Phần V – Quản trị Công ty	trang 21
Phần VI – Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán	trang 24

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin giới thiệu Công ty

- ❖ Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- ❖ Tên giao dịch: **VINALINK**
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0301776205
- ❖ Mã chứng khoán: **VNL**
- ❖ Trụ sở chính: 145-147 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 3825 5389 - Fax: (84-8) 3940 5331
Email: headoffice@vinalinklogistics.com
- ❖ Website: www.vinalinklogistics.com
- ❖ Vốn điều lệ: 90.000.000.000 VNĐ
- ❖ Vốn thực góp: 90.000.000.000 VNĐ

2. Quá trình hình thành, phát triển và các sự kiện quan trọng

Năm 1998:

- ❖ Công ty Vinatrans thành lập Xí nghiệp Đại lý Vận tải và Gom hàng với tên giao dịch là **Vinaconsol**.

Năm 1999:

- ❖ 24/6 Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quyết định số 0776/1999/QĐ-BTM phê duyệt Phương án cổ phần hóa một bộ phận DNNN Vinatrans, chuyển Xí nghiệp Đại lý vận tải và gom hàng thành Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và thương mại, tên giao dịch: **Vinalink**; vốn điều lệ 8 tỷ VND (nhà nước giữ 10%); chuyên kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho bãi, văn phòng, XNK....
- ❖ 16/7 Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty hợp thông qua điều lệ , cơ cấu tổ chức bộ máy, bầu HĐQT và BKS ... Theo đó cơ cấu tổ chức bộ máy cty bao gồm:
 - Ban Giám đốc.
 - Phòng Đại lý vận tải và gom hàng.
 - Phòng Đại lý hãng tàu Hapag - Lloyd.
 - Kho 145 Nguyễn Tất Thành.
 - Phòng Kế toán - Hành chính.
- ❖ 01/9 Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân đã đăng ký với Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM ngày 31/7.

Năm 2000:

- ❖ 07/3 Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt nam VIFFAS.
- ❖ 05/4 Vinalink trở thành hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam VCCI.
- ❖ 24/6 Tổ chức đánh giá quốc tế DNV (Na uy) chứng nhận Vinalink thực hiện hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002, nay là ISO 9001 : 2000.

Năm 2001:

- ❖ 01/01 Phòng Giao nhận hàng hàng không được thành lập và chính thức hoạt động tại văn phòng A8 Trường Sơn, Q.Tân bình , sau chuyển về 44 Trường sơn Q.Tân bình.
- ❖ 01/9 Phòng Logistics được thành lập và chính thức hoạt động.

Năm 2002:

- ❖ Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận quốc tế FIATA.
- ❖ 13/5 Công ty tăng vốn điều lệ lên gấp 3 lần , vốn điều lệ mới là 24 tỷ VND.

Năm 2003:

- ❖ Tháng 6 Vinalink góp vốn trở thành 1 trong 3 bên phía Việt nam trong công ty liên doanh vận tải Việt - Nhật (Konoike Vina).
- ❖ Tháng 10: Vinalink cùng Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore) thành lập công ty liên doanh Đại lý vận chuyển FC (Vietnam) chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không quốc tế như British Airways, Royal Brunei Airlines...

Năm 2004:

- ❖ Văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (Bình Dương) chính thức hoạt động
- ❖ Tháng 9 Công ty kỷ niệm 5 năm hoạt động và đón nhận Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 5 năm 1999 - 2003, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- ❖ 11/10 Tổng cục Hải quan cấp phép thành lập Kho ngoại quan Vinalink tại 145 Nguyễn Tất Thành. Tháng 12 Kho ngoại quan Vinalink tiếp nhận lô hàng đầu tiên của khách hàng Schneider Electric Overseas Asia Pte.Ltd.
- ❖ Tháng 12, Vinalink tham gia thành lập Công ty TNHH 3 thành viên vận tải ô tô V-Truck.

Năm 2005:

- ❖ 01/01 Chi nhánh công ty tại Hà Nội chính thức hoạt động tại số 2 Bích Câu, Q.Đống Đa. Từ đầu năm 2006 chuyển về tầng 11 cao ốc 14 Láng Hạ, Q. Ba Đình và hiện nay Văn phòng đang hoạt động tại tầng 6 cao ốc 14 Láng Hạ
- ❖ 01/4 Công ty TNHH RCL (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink (45% vốn), SGN và Hãng tàu RCL (Singapore) chính thức hoạt động.
- ❖ 01/8 Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink và Hãng tàu Hapag-Lloyd (Đức) chính thức hoạt động.
- ❖ Tháng 8 công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ VND.
- ❖ 15/9 Bộ Giao thông vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho Vinalink.

Năm 2006

- ❖ Từ 04/9 chính thức triển khai dịch vụ chuyển phát nhanh nội địa -Vinalink Express.
- ❖ Tháng 10/2006 Công ty được Bộ Khoa học và công nghệ trao tặng Cúp vàng ISO - giải thưởng dành cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Năm 2007

- ❖ 24/10/2007 UBND TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho CÔNG TY TNHH ĐIỀU HÀNH VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA LIÊN KẾT, tên giao dịch là LCM.CO.LTD- Đây là công ty liên doanh giữa Vinalink và Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore), chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế. LCM.Co.Ltd đã được hãng hàng không Cargolux Airlines (Luxembuorg) chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa (GSA) tại Việt nam .

Năm 2008

- ❖ Triển khai dịch vụ đường sắt từ Việt Nam đi Kazakhstan, Uzbekistan, Mông Cổ, Nga,...
- ❖ Tháng 10 : Vinalink được trao Giải thưởng –Cúp vàng “*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*” năm 2008 do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Trung tâm thông tin Tín dụng – NHNN, Tạp chí Chứng khoán –UBCKNN và 1 số cơ quan chức năng tổ chức bình chọn và trao tặng.

Năm 2009

- ❖ Ngày 17/08/2009, Chứng khoán của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán TPHCM (HOSE) với Mã Chứng khoán **VNL**
- ❖ 01/10/2009 Chi nhánh công ty tại Hải Phòng chính thức hoạt động
- ❖ Ngày 11/10/2009: Vinalink nhận Giải thưởng –Cúp vàng “*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*” năm 2009.

- ❖ Ngày 31/10/2009 Công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 10 năm 1999 – 2009

Năm 2010

- ❖ Depot Vinalink chính thức hoạt động từ ngày 01/06/2010
- ❖ 17/12/2010 Bộ Thương mại Vương quốc Cambodia đã cấp Giấy phép hoạt động cho VPĐD của cty tại Phnompenh

Năm 2011

- ❖ 06/05/2011 Tham gia thành lập Công ty cổ phần Logistics Kim Thành (Lào Cai), ngày 11/11/2011 Trung tâm Logistics Kim Thành chính thức khởi công xây dựng dưới sự chứng kiến của Lãnh đạo tỉnh Lào Cai, Bộ Công Thương và Lãnh đạo, doanh nhân tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).
- ❖ Ngày 16/07 nhân ngày thành lập Công ty, chính thức giới thiệu Hệ thống nhận diện thương hiệu mới, bao gồm:

Logo:



Tên miền:

headoffice@vinalinklogistics.com

Trang Web:

www.vinalinklogistics.com

- ❖ Cuối năm 2011 theo kết quả đánh giá của Cty cổ phần đánh giá Việt nam Công ty thuộc TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất (FAST 500) và TOP 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt nam, TOP 100 doanh nghiệp có chỉ số tín nhiệm cao về mức độ uy tín thương hiệu, chất lượng dịch vụ luôn hướng đến sự thỏa mãn của khách hàng theo quy trình đánh giá nhà cung cấp TQS.

Năm 2012 :

- ❖ Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong công ty TNHH Hapag Lloyd (Vietnam) cho phía nước ngoài từ 01/6/2012 .
- ❖ 12/2012 Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích trong hoạt động kinh doanh các năm 2009-2011.

Năm 2013

Ngày 4/1/2013, **Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)** đã được Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp giấy phép thành lập với nội dung như sau:

- Tên công ty: **Vinalink Logistics (Cambodia) Co., Ltd.**
- Số đăng ký với Bộ Thương mại: Co.3199E/2012, ngày 24/12/2012
- Loại hình công ty: Công ty TNHH Một thành viên
- Vốn đầu tư: USD25,000 (100.000.000 riel)

Năm 2014

Vinalink thay đổi tên mới kể từ ngày 24/5/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0301776205 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 22 / 5/2014

- Tên công ty trước khi thay đổi : CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
- Tên công ty sau khi thay đổi : **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- Tên viết tắt : **VINALINK**

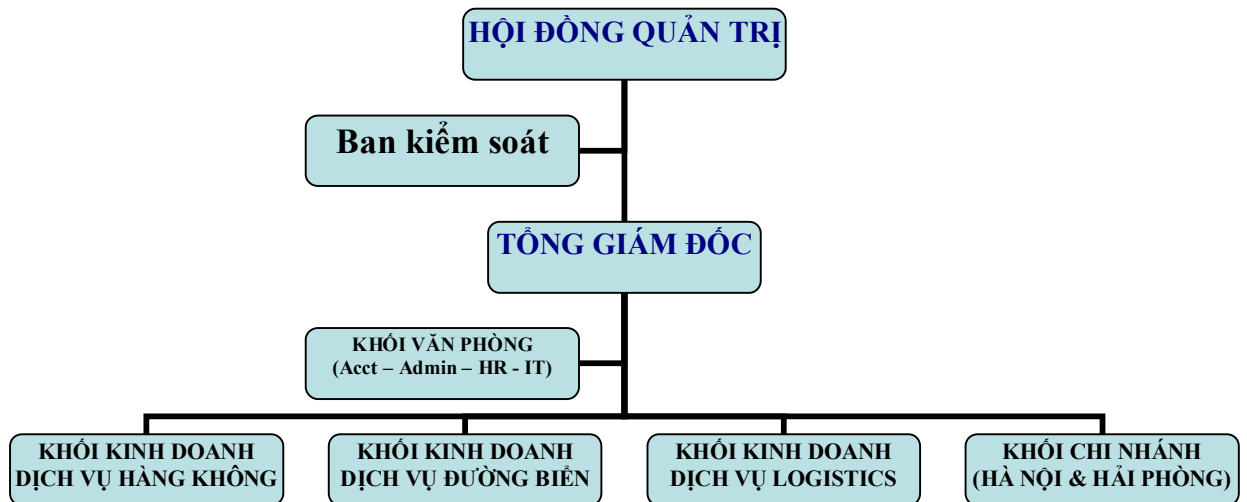
3. Ngành nghề kinh doanh chính

- ❖ Giao nhận đường biển và đường hàng không
- ❖ Dịch vụ Vận tải đa phương thức
- ❖ Dịch vụ Logistics, giao nhận nội địa
- ❖ Dịch vụ kho ngoại quan và lưu kho bảo quản hàng hóa
- ❖ Đại lý tàu biển
- ❖ Tổng đại lý bán cước
- ❖ Đại lý bán vé máy bay
- ❖ Kinh doanh xuất nhập khẩu
- ❖ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh nhà

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Ban Giám đốc: gồm Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng
- 1 địa điểm kinh doanh, 1 VPĐD và 1 depot
- 2 chi nhánh (tại Hà Nội & Hải Phòng)
- 1 công ty con tại Campuchia
- 3 Khối kinh doanh, 1 Khối Văn phòng

4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



4.2. Các chi nhánh và văn phòng kinh doanh

- ❖ **Công ty con :** Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)
- 📍 **Địa chỉ:** Suit 110, 1ST Floor, Delano Center, #144 Str.169, Sangkat Veal Vong
Khan 7 Makara, Phnom Penh, Kingdom of Cambodia
ĐT: (855) 2396 7979 – Fax: (855) 2399 7139
Email: pnh@vinalinklogistics.com
- ❖ **Chi nhánh Công ty :**
 - 📍 **Hà Nội:** Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink (Vinalink Hà Nội)
Lầu 6 – Cao ốc 14 Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội
ĐT: (84-4) 3772 4234 – Fax: (84-4) 3772 4235
Email: han@vinalinklogistics.com
 - 📍 **Hải Phòng:** Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink tại Hải Phòng
72 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đoạn, Đông Hải 1, Q. Hải An, Hải Phòng
ĐT: (84-31) 397 9582 – Fax: (84-31) 397 9583
Email: hph@vinalinklogistics.com
- ❖ **Địa điểm kinh doanh**
 - Địa điểm kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải hàng không**
44 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT : (84-8) 3848 7252 Fax : (84-8) 3848 7250
Email : sgn-air@vinalinklogistics.com

❖ **VPĐD của Công ty :**

📍 Bình Dương: #01-15, số 2, đường số 3, KCN VSIP, Bình Dương
 ĐT: (84-650) 3784 407 – Fax: (84-650) 3784 408
 Email: bdg@vinalinklogistics.com

❖ **Depot Vinalink :**

Số 7 Xa lộ Hà Nội, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
 Tel (84-8) 3742 5272 – Fax: (84-8) 3742 5273
 Email: depot@vinalinklogistics.com

4.3. Các công ty đầu tư - liên kết

STT	Tên công ty	Vốn đầu tư	Tỷ lệ /VĐL	Ghi chú
1	Cty TNHH Logistics Vinalink (Cambodia)	526,750,000	100%	-
2	Cty LD RCL (VN)	2,130,300,000	45%	-
3	Cty LD FC (VN)	3,680,051,500	51%	-
4	Cty TNHH Vận tải Việt – Nhật (Konoike Vina)	4,908,430,302	9.15%	-
5	Cty LD LCM (VN)	3,148,740,000	49%	-
6	Cty CP VNT Logistics	13,200,000,000	22%	Đã bán hết cổ phần ngày 5/11/2014
7	Cty CP Vinatrans Danang	4,392,000,000	29.80%	-
8	Cty CP Logistics Kim Thành	18,220,589,000	30%	Đang xây dựng kho bãi .

4.4. Tổ chức và nhân sự :

a) Danh sách Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ/VĐL	
			01/01/2014	31/12/2014
1	Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1%	1%
2	Ông Đinh Quang Ngọc	UV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	0.13%	0.13%
3	Bà Trần Thị Bình	UV HĐQT – Kế toán trưởng Cty	0.62%	0.62%

b) Thay đổi trong Ban Giám đốc :

Ông Lê Quốc Hùng thôi làm Phó Tổng Giám Đốc Cty từ ngày 27/5/2014.

c) Tóm tắt lý lịch Ban Giám Đốc

<i>Họ và tên:</i>	Nguyễn Nam Tiến - Tổng giám đốc
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	06/02/1958
<i>Nơi sinh:</i>	Nam Định
<i>CMND:</i>	023132098 – cấp ngày 04/08/2005 tại CA TP. HCM
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Nam Định
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	111 Trần Minh Quyền, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	(08) 39401 456
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học Tài chính – Kế toán , Cao cấp chính trị
Quá trình công tác	
+ 1980 -1982 là cán bộ giảng dạy tại Đại học Tài chính kế toán (Hà Nội)	
+ 1982-1985 phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.	
+ 1985-1989 công tác tại Tổng Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương (Vietrans) với chức danh Phó phòng Kế toán.	
+ 1989 -1999 công tác tại Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Vinatrans) với chức danh Phó phòng kế toán, Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Giám đốc Công ty.	
+ 9/1999 đến nay là Giám đốc Công ty Vinalink, từ 4/2008 là Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ mới (19/4/2008).	
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	+ Chủ tịch Hội đồng quản trị + Tổng giám đốc
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	+ Phó Chủ tịch HĐQT Cty TNHH F.C (Vietnam) + Phó Chủ tịch HĐQT Cty TNHH LCM (Vietnam) + Ủy viên HĐQT Cty cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng). + Chủ tịch HĐQT Cty cổ phần Logistics Kim Thành
<i>Số cổ phần nắm giữ :</i>	89.560 cổ phần, chiếm 1,00% vốn thực góp
<i>+ Đại diện sở hữu :</i>	Không
<i>+ Cá nhân sở hữu :</i>	89.560 cổ phần, chiếm 1,00% vốn thực góp
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

Họ và tên: **Đình Quang Ngọc** - Phó Tổng giám đốc
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 29/09/1976
Nơi sinh: Hải Phòng
CMND: 012295821 – cấp ngày: 27/02/2003, tại CA TP. Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hà Nội
Địa chỉ thường trú: 10/170 Ngõ 194 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc: (04) 37724234
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học Ngoại thương, Cao học Quản trị Kinh doanh (Úc)

Quá trình công tác

- + 1999 – 2005 công tác tại Công ty Vinatrans Hà Nội với chức danh Trưởng phòng Nhập Đường Biển.
- + 2005 - đến nay công tác tại Công ty Vinalink với chức danh Giám đốc chi nhánh Hà Nội.
- + 03/2008 – đến nay công tác tại Công ty Vinalink với chức danh Phó Giám Đốc Công ty (nay là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ mới).

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Ủy viên HĐQT Cty cổ phần Logistics Kim Thành
- + Ủy viên HĐQT Công ty TNHH FC (Vietnam)
- + Ủy viên HĐQT Công ty TNHH LCM (Vietnam)

Số cổ phần nắm giữ: 11.640 cổ phần, chiếm 0,13% vốn thực góp

+ **Đại diện sở hữu:** Không

+ **Cá nhân sở hữu:** 11.640 cổ phần, chiếm 0,13% vốn thực góp

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

<i>Họ và tên:</i>	Trần Thị Bình - Kế toán trưởng
<i>Giới tính:</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	14/03/1958
<i>Nơi sinh:</i>	Hà Nam
<i>CMND:</i>	024178252 – cấp ngày 14/11/2006 tại CA TP.HCM
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Hà Nam
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	40E Ngô Đức Kế, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	0903 812 671
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học Tài chính kế toán
Quá trình công tác	
+ 12/1978 – 07/1987 công tác tại Tổng cục Thống kê – Văn phòng II.	
+ 08/1987 – 08/1999 công tác tại Công ty Vinatrans với chức danh Phó phòng kế toán.	
+ 09/1999 – đến nay công tác tại Công ty Vinalink với chức danh Kế toán trưởng.	
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số cổ phần nắm giữ:</i>	56.040 cổ phần, chiếm 0,62% vốn thực góp
<i>+ Đại diện sở hữu:</i>	Không
<i>+ Cá nhân sở hữu:</i>	56.040 cổ phần, chiếm 0,62% vốn thực góp
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

4.5. Số lượng cán bộ, nhân viên toàn Công ty : 360 người.

5. Định hướng phát triển :

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Tình hình kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2014 dự kiến sẽ tiếp tục còn có nhiều khó khăn, các khoản chi phí đầu vào tiếp tục không ổn định theo xu hướng tăng, một số khoản chi phí cho người lao động tăng (thu nhập theo lạm phát, tỷ lệ đóng BHXH, BHYT, BH thất nghiệp ...), khó khăn từ tình hình kinh tế thế giới ... sẽ tiếp tục là những bài toán khó cho các nhà kinh doanh – sản xuất. Thị trường dịch vụ giao nhận vận tải những khó khăn mới tiếp tục là những thách thức cho năm 2014 như giá nhiên liệu tăng khó dự đoán; việc thu phí cầu đường phổ biến và tình trạng hạn chế giờ và tuyến đường hoạt động của xe tải ... Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ tăng cao. Trong bối cảnh chung như

vậy mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu của năm 2014 là: phấn đấu tiếp tục ổn định các mặt hoạt động; thực hiện các biện pháp linh hoạt tranh thủ khai thác các nguồn thu có thể, cố gắng đảm bảo kết quả kinh doanh trực tiếp (bao gồm cả thu từ sử dụng vốn ngắn hạn) có mức tăng khoảng 5-7% so với năm 2013; ổn định và phát triển các mảng hàng không, hàng nhập, hàng xuất đường biển, tập trung phát triển dịch vụ Logistic (kể cả dịch vụ nội địa và tại thị trường Campuchia) và chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của Khối chi nhánh; tìm kiếm và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới nhằm đa dạng hóa kinh doanh bảo đảm nguồn thu ổn định.

Chiến lược - kế hoạch đầu tư phát triển trung và dài hạn:

- Công tác tập trung ổn định sản phẩm dịch vụ, phát triển hệ thống đại lý và tăng cường hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy quản lý và kinh doanh là 1 nhiệm vụ trọng tâm của năm 2014. Trong đó, tập trung triển khai các biện pháp để ổn định và nâng cao hiệu quả dịch vụ: tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, quy trình quản lý và nghiệp vụ, tập trung củng cố chấn chỉnh bộ máy tổ chức quản lý và giải quyết tình hình công nợ tồn đọng, tiếp tục hoàn thiện nâng cao hiệu quả quản lý tổ chức kinh doanh của các dịch vụ tại TP. HCM, triển khai mở rộng các dịch vụ của Vinalink (Cambodia); rà soát lại trình độ, năng suất làm việc của đội ngũ nhân viên; đẩy mạnh hoạt động bán dịch vụ. Về mặt kinh doanh tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ Đường biển và Hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics của các dự án đầu tư xây dựng, dịch vụ với thị trường Campuchia; dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa; triệt để cắt giảm các chi phí hành chính quản lý, thực hiện cơ chế chi trả lương, thưởng ... gắn với kết quả kinh doanh trong phạm vi toàn công ty với các hình thức phù hợp cho từng chức danh; triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với các hình thức khuyến mãi dịch vụ ... để giữ và tăng lượng dịch vụ. Tiếp tục tăng cường thực hiện tác đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân viên.

- Tăng cường hơn cho công tác marketing ở phạm vi công ty tạo môi trường cho việc bán dịch vụ ở các đơn vị, với các hình thức thích hợp như quảng cáo, quan hệ khách hàng và đối tác. Tiếp tục củng cố các mối quan hệ đối tác với các đại lý ở các khu vực và tìm kiếm các đối tác mới.

- Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm, ... tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để hợp tác khai thác hoặc chuyển nhượng dự án nếu điều kiện thuận lợi đối với các diện tích đất tại KCN Phú An Thạnh (Long An), Nhơn Trạch (Đồng Nai).

- Khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành : chuyển đổi công năng và quyền khai thác kho bãi, văn phòng cho đối tác để tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất thay thế cho khu kho bãi Văn phòng không còn phù hợp theo quy hoạch của thành phố.

- Đầu tư mua sắm 5 xe vận tải thay thế cho số thanh lý và bổ sung phương tiện vận tải, giá trị đầu tư 5 tỷ.

- Chủ động khai thác tạo nguồn thu từ việc sử dụng vốn ngắn hạn. Tìm kiếm, hợp tác khai thác các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Giao cho HĐQT quyết định việc thoái vốn tại các công ty đã đầu tư khi có nhu cầu về vốn cho đầu tư và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.

- Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh
- Hoàn thiện tiếp việc xây dựng hệ thống nhận diện và thương hiệu công ty (theo tờ trình về việc đổi tên công ty, sửa đổi Điều lệ).

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng :

Phát triển dịch vụ tạo việc làm và thu nhập ổn định, tạo cơ hội phát triển cá nhân cho người lao động; xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả, đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội xây dựng cộng đồng.

6. Các rủi ro :

Hoạt động dịch vụ Logistics hiện tại có những rủi ro như :

- Rủi ro từ chính sách, quy định luôn thay đổi nhưng không phải thay đổi nào cũng tạo thuận lợi hơn cho kinh doanh.
- Giá cả nhiên liệu, tỷ giá không ổn định có thể ảnh hưởng đến tính toán giá cả và hiệu quả dịch vụ.
- Rủi ro từ khách hàng và đại lý trong việc thanh toán do phần lớn các dịch vụ được tiến hành trên cơ sở hợp đồng không có thể chấp.

PHẦN II – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng Doanh thu : 668,37 tỷ VND bằng 114% năm 2013.

Lãi trước thuế : 61,925 tỷ VND bằng 200% năm 2013.

Lãi sau thuế : 50,172 tỷ VND bằng 198% năm 2013.

Lợi nhuận đầu tư vốn năm 2014 tăng nhiều so với năm 2013 là do trong quý 4/2014 phát sinh khoản lãi chuyển nhượng chứng khoán VNT. (riêng khoản lãi này là 30.36 tỉ).

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn:

Không phát sinh

Các công ty con, công ty liên kết:

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên công ty	Vốn đầu tư	Tỷ lệ /VĐL	Lợi nhuận cho Vinalink
1	Cty TNHH Logistics Vinalink (Cambodia)	526,750,000	100%	(170,759,979) # (8,041.44) USD
2	Cty LD RCL (VN)	2,130,300,000	45%	897,586,216
3	Cty LD FC (VN)	3,680,051,500	51%	1,764,274,822
4	Cty TNHH Vận tải Việt – Nhật (Konoike Vina)	4,908,430,302	9.15%	1,814,805,262
5	Cty LD LCM (VN)	3,148,740,000	49%	6,571,590,523
6	Cty CP VNT Logistics	13,200,000,000	22%	Đã bán hết cổ phần ngày 5/11/2014
7	Cty CP Vinatrans Danang	4,392,000,000	29.80%	962,369,337
8	Cty CP Logistics Kim Thành	18,220,589,000	30%	Đang đầu tư xây dựng kho bãi

4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (ĐVT : triệu đồng)	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	218,838	308,025	140.75%
Doanh thu thuần	582,954	668,370	114.65%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16,300	16,829	103.25%
Lợi nhuận khác	282	85	30.14%
Lợi nhuận trong cty liên doanh, liên kết	14,381	45,011	312.99%
Lợi nhuận trước thuế	30,962	61,925	200.00%
Lợi nhuận sau thuế	26,519	50,172	189.20%

– Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Đơn vị tính
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	2.16	1.84	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	2.16	1.84	

<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	29.27%	43.42%	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	41.38%	76.73%	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u>			Lần
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.66	2.17	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4.55%	7.51%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	17.13%	28.79%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12.12%	16.29%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2.80%	2.52%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Khối lượng cổ phần đang niêm yết : 9.000.000 cổ phần

Khối lượng cổ phần đang lưu hành : 9.000.000 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông:

(Số liệu theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/3/2015)

5.2.1. Cổ đông trong nước

Tổng số : 466 sở hữu 94.44% cổ phần VNL

- Cá nhân : 457, sở hữu 74.64% cổ phần VNL

- Tổ chức : 9, sở hữu 19.80% cổ phần VNL

STT	Danh mục	Cổ phiếu nắm giữ	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Cổ đông sở hữu trên 5% CP (2)	1,037,750 CP	11.53%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% CP (15)	2,612,080 CP	29.02%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% CP (449)	4,849,450 CP	53.88%
	Tổng cộng	8,499,280 CP	94.44%

Thông tin về cổ đông nắm giữ trên 5% VDL:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cty VNT Logistics	2 Bích Câu, Đống Đa, HN	505,540 CP	5.62%
2	Cty CP Đầu Tư Toàn Việt	56 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP.HCM	532,210 CP	5.91%

5.2.2. Cổ đông ngoài nước

Tổng số : 25 sở hữu 5.56% cổ phần VNL

- Cá nhân : 21, sở hữu 3.42% cổ phần VNL
- Tổ chức : 4, sở hữu 2.14% cổ phần VNL

STT	Danh mục	Cổ phiếu nắm giữ	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Cổ đông sở hữu trên 5% CP (0)	0	0%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% CP (2)	252,320 CP	2.80%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% CP (23)	248,400 CP	2.76%
	Tổng cộng	500,720 CP	5.56%

5.3. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không phát sinh

5.4. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không phát sinh

5.5. **Các chứng khoán khác:** Không phát sinh

PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014**

1.1. **Tình hình cơ bản**

Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2014 có một số điểm nổi bật như sau :

- a) Năm 2014 tình hình kinh tế trong nước và thế giới tiếp tục khó khăn ... tác động làm cho thị trường giao nhận vận tải tiếp tục trầm lắng, nhiều mảng dịch vụ suy giảm. Các quy định mới của Nhà nước trong lĩnh vực vận tải, hải quan ... có tác động nhiều chiều với hoạt động giao nhận vận tải, nhất là vận tải container bằng ô tô. Các dịch vụ VTQT giảm và mức lãi gộp trên đơn vị dịch vụ giảm nhanh.
- b) Thực hiện phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 do ĐHĐCĐ thường niên thông qua, trong năm Công ty đã tập trung củng cố và phát triển các dịch vụ chủ yếu truyền thống là airfreight và seafreight, duy trì ổn định các sản phẩm box hàng consol đường biển trong tình hình cạnh tranh gay gắt, kết hợp box xuất với box nhập trong quan hệ với đại lý. Tiếp tục tập trung phát triển thị trường khu vực Đông Á với nhiều đại lý và sản phẩm khách hàng mới có kết quả tích cực, phát triển các dịch vụ hàng quá cảnh và dịch vụ trực tiếp tại thị trường Campuchia, Lào; riêng với thị trường Campuchia sản lượng dịch vụ tăng nhanh (30%) với việc có thêm nhiều đại lý và khách hàng mới từ Campuchia, Việt nam và một số nước ngoài khác. Trong nước công ty đã tập trung củng cố và đạt được kết quả tăng trưởng tốt khu vực các chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng, các dịch vụ kho, xe vận tải ... đã được khai thác có hiệu quả với hầu hết công suất hiện có. Các đơn vị Chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng năm 2014 tiếp tục phát triển khá tốt về kết quả kinh doanh cũng như phạm vi dịch vụ và khách hàng; dịch hàng không ở khu vực TP.HCM sụt giảm khá nhiều do tình hình thị trường.
- c) Công tác tổ chức và quản lý kinh doanh trong năm được tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế; tăng cường chất

lượng dịch vụ, quản lý công nợ chặt chẽ, tăng cường hoạt động động giữ khách hàng và sản phẩm dịch vụ. Tiếp tục mở rộng đối tượng khoản thu nhập theo kế quả kinh doanh góp phần thúc đẩy hiệu quả công việc, ổn định đội ngũ nhân sự. Công tác đại lý được chú trọng. Đã tiến hành áp dụng phần mềm nghiệp vụ mới tại CN Hà nội tiến tới áp dụng trong toàn công ty.

- d) Nhân kỷ niệm 15 năm thành lập công ty và 10 năm hoạt động của Chi nhánh Hà nội Công ty đã tiến hành các hoạt động đánh giá chuyên môn, chất lượng dịch vụ, thăm viếng khách hàng và đại lý chủ chốt, hoạt động tập thể kết nối CBNV ... góp phần tích cực vào nâng cao hình ảnh, vị thế quan hệ đối tác đại lý – khách hàng và văn hóa công ty.
- e) Kết quả kinh doanh năm 2014 so với năm trước của các công ty liên doanh với nước ngoài, các công ty cổ phần có vốn của công ty đều có kết quả kinh doanh ổn định, riêng Công ty LCM có kết quả tăng trưởng cao.
- f) Năm 2014 theo kết quả đánh giá của Cty cổ phần đánh giá Việt nam Công ty thuộc TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất (FAST 500), Hiệp hội Logistics đánh giá công ty thuộc TOP 20 công ty Logistics hàng đầu Việt Nam.

Công ty cũng đã được Bộ trưởng Bộ Công thương tặng Bằng khen cho 4 tập thể và 24 cá nhân về thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm 2014.

Một số hạn chế:

- + Nguồn khách hàng sử dụng dịch vụ chưa ổn định vững chắc, phần chủ động còn bị hạn chế - nhất là trong lĩnh vực dịch vụ VTQT. Hệ thống đại lý chưa mạnh ở một số thị trường nên giá cả dịch vụ cao ảnh hưởng tới tính cạnh tranh, việc khai thác nguồn lực từ các đại lý còn hạn chế .
- + Về nhân sự, tổ chức và quản lý: việc tuyển dụng bổ sung mới có nhiều khó khăn, nhất là nguồn cho chức danh sales và cán bộ quản lý chủ chốt, chất lượng còn hạn chế, gặp khó khăn trong ổn định nhân sự.
- + Cơ sở vật chất: hệ thống phần mềm nghiệp vụ chưa đáp ứng được các yêu cầu dịch vụ mang tính chuyên nghiệp cao, thiếu kho tàng ở vị trí phù hợp và phương tiện vận chuyển cơ giới làm cơ sở để chào bán dịch vụ cho những khách hàng lớn, nhất là dịch vụ logistics – dịch vụ chuỗi cung ứng, dịch vụ chủ yếu của công ty trong tương lai. Phần lớn các phương tiện làm việc, vận chuyển đều đã cũ, chi phí sửa chữa bảo dưỡng cao, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cũng như hình ảnh công ty .

1.2. Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ 15 (2014):

Kết quả thực hiện các nội dung chủ yếu của Nghị quyết như sau:

- a) Về hoạt động kinh doanh: như báo cáo phần trên đã nêu. Đã thực hiện việc chi cổ tức năm 2014 là 1500 đồng /cổ phần.
- b) Đã thực hiện việc đổi tên , hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu , các hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc đổi tên công ty .
- c) Đã hoàn thành việc góp vốn và cùng với các đối tác tham gia chỉ đạo Công ty cổ phần Logistics Kim Thành (Lào Cai) triển khai đầu tư theo kế hoạch. Dự án này hiện đã bắt đầu đưa vào khai thác 1 phần các dịch vụ như kho hàng, bãi và cân điện tử trên các hạng mục thành phần đã được hoàn thành.
- d) Tiếp tục hoàn thiện và sắp xếp lại tổ chức nhân sự, bộ máy kinh doanh, hình thành các Khối dịch vụ, tạo bộ máy chủ động và tập trung phát triển dịch vụ ở từng khối, thống nhất quy trình kiểm soát chặt chẽ hơn quá trình thực hiện dịch vụ. Tổ chức hoạt động của 2 chi nhánh theo hướng chủ động và hiệu quả hơn đã mang lại kết quả tốt trong năm 2014.
- e) Đã thoái 100% vốn đầu tư tại Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT) để tập trung vốn cho các hoạt động đầu tư và kinh doanh .

- f) Thực hiện chủ trương “chuyển đổi công năng và quyền khai thác cho đối tác để tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất thay thế cho khu kho bãi văn phòng không còn phù hợp với quy hoạch của thành phố “ Công ty đã ký kết hợp đồng hợp tác khai thác và lập dự án chuyển đổi công năng theo quy hoạch với khu kho bãi văn phòng 145-147 Nguyễn Tất Thành với đối tác. Thực hiện các hợp đồng này công ty sẽ chuyển giao toàn bộ mặt bằng và kho bãi văn phòng cho đối tác khai thác và chủ trì lập dự án xin chủ trương đầu tư của thành phố vào cuối năm 2016 và nhận ứng trước khoản lãi khoán của việc hợp tác khai thác kho bãi và đền bù di dời để có nguồn vốn chuẩn bị cho cơ sở mới .
+ Một số khoản đầu tư và tạm ứng như : Dự án Kho bãi tại KCN Phú An Thạnh (Long An), đất ở Nhơn Trạch và Cái Mép chưa thực hiện được việc chuyển nhượng, hợp tác, thoái vốn, thu hồi do thị trường chưa thuận lợi .
- g) Chưa thực hiện việc đầu tư trang thiết bị vận tải ... như kế hoạch do nguồn vốn thanh toán hạn chế và tính toán thị trường chưa khả thi.

2. Tình hình tài chính

Báo cáo tình hình tài chính : xem nội dung trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán.

a. Tình hình tài sản

Tài sản trong năm không có biến động lớn, hầu hết tài sản đang được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả cao giúp đảm bảo chất lượng dịch vụ cơ bản của công ty .

Các khoản nợ phải thu hầu hết là các khoản nợ phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ và trong thời hạn thỏa thuận trong sự kiểm soát của Công ty.

b. Tình hình nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả chủ yếu là các khoản phát sinh trong thực hiện dịch vụ và trong thời hạn thỏa thuận.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý của công ty ổn định trong năm và luôn được cập nhật điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế.

4. Kế hoạch kinh doanh và phát triển năm 2015

Về kinh doanh và đầu tư:

Tình hình kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2015 dự kiến sẽ ổn định hơn song vẫn còn có nhiều khó khăn, các khoản chi phí đầu vào tiếp tục không ổn định theo xu hướng tăng; một số khoản chi phí cho người lao động tăng (thu nhập theo lạm phát, tỷ lệ đóng BHXH, BHYT, BH thất nghiệp ...), khó khăn từ tình hình kinh tế thế giới ... sẽ tiếp tục là những bài toán khó cho các nhà kinh doanh – sản xuất. Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ tăng cao.

Trong bối cảnh chung như vậy mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu của năm 2015 là: Phần đầu tiếp tục ổn định các mặt hoạt động, thực hiện các biện pháp linh hoạt tranh thủ khai thác các nguồn thu có thể, cố gắng đảm bảo kết quả kinh doanh trực tiếp (bao gồm cả thu từ sử dụng vốn ngắn hạn) có mức tăng 7% -10% so với năm 2014; ổn định và phát triển các mảng Hàng không, hàng nhập, hàng xuất đường biển, tập trung phát triển dịch vụ Logistic (kể cả dịch vụ nội địa và tại thị trường Campuchia) và chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của Khối chi nhánh; tìm kiếm và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới nhằm đa dạng hóa kinh doanh bảo đảm nguồn thu ổn định.

Chỉ tiêu cụ thể:

Doanh thu:	640 tỷ đ
Lãi trước thuế:	30 tỷ đ
Cổ tức :	1.500 đ/CP

Một số biện pháp chung:

- + Công tác tập trung ổn định sản phẩm dịch vụ, phát triển hệ thống đại lý và tăng cường hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy quản lý và kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm của năm 2015. Trong đó, tập trung triển khai các biện pháp để ổn định và nâng cao hiệu quả dịch vụ: tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, quy trình quản lý và nghiệp vụ; tập trung củng cố chấn chỉnh bộ máy tổ chức quản lý và giải quyết tình hình công nợ tồn đọng; tiếp tục hoàn thiện nâng cao hiệu quả quản lý tổ chức kinh doanh của các dịch vụ tại TP.HCM, triển khai mở rộng các dịch vụ của Vinalink ở nước ngoài; rà soát lại trình độ, năng suất làm việc của đội ngũ nhân viên; đẩy mạnh hoạt động bán dịch vụ. Về mặt kinh doanh tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ Đường biển và Hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics của các dự án đầu tư xây dựng, dịch vụ với thị trường Campuchia; dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa; triệt để cắt giảm các chi phí hành chính quản lý, thực hiện cơ chế chi trả lương, thưởng ... gắn với kết quả kinh doanh trong phạm vi toàn công ty với các hình thức phù hợp cho từng chức danh; triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với các hình thức khuyến mãi dịch vụ ... để giữ và tăng lượng dịch vụ. Tiếp tục tăng cường thực hiện tác đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân viên. Triển khai áp dụng phần mềm nghiệp vụ và quản lý mới trong toàn công ty .
- + Tăng cường hơn cho công tác marketing ở phạm vi công ty tạo môi trường cho việc bán dịch vụ ở các đơn vị, với các hình thức thích hợp như quảng cáo, quan hệ khách hàng và đối tác; tiếp tục củng cố các mối quan hệ đối tác với các đại lý ở các khu vực và tìm kiếm các đối tác mới. Tập trung công tác bán dịch vụ về một đầu mối để quản lý thống nhất .
- + Chuyển Chi nhánh Hà nội thành Công ty con trực thuộc để nâng cao địa vị pháp lý, tính chủ động và khả năng cạnh tranh tại thị trường khu vực phía Bắc.
- + Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm ... tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.
- + Chuẩn bị Văn phòng công ty mới thay thế cho văn phòng hiện tại theo hướng có thể đầu tư trực tiếp (mua, xây dựng) hoặc thuê trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế và sử dụng vốn .
- + Tiếp tục tìm kiếm đối tác để hợp tác khai thác hoặc chuyển nhượng nếu điều kiện thuận lợi đối với các diện tích đất tại KCN Phú An Thạnh (Long An), Nhơn Trạch (Đồng Nai).
- + Đầu tư mua sắm 3 xe vận tải, 10 somi romooc , 2 xe 4-7 chỗ thay thế cho số thanh lý và bổ sung phương tiện vận tải, giá trị đầu tư 8 tỷ.
- + Chủ động khai thác tạo nguồn thu từ việc sử dụng vốn ngắn hạn.Tìm kiếm, hợp tác khai thác các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.
- + Giao cho HĐQT quyết định việc thoái vốn tại các công ty đã đầu tư khi có nhu cầu về vốn cho đầu tư và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.
- + Giao cho HĐQT trên cơ sở cân đối vốn hợp lý quyết định việc mua lại không quá 10% cổ phiếu của công ty để làm cổ phiếu quỹ nhằm đảm bảo ổn định giá cổ phiếu, tạo nguồn cổ phiếu làm cơ sở hợp tác với cổ đông chiến lược và thực hiện chính sách nhân sự (khi có nhu cầu) .
- + Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cty liên doanh.
- + Hoàn thiện tiếp việc xây dựng hệ thống nhận diện và thương hiệu công ty.
- + Sửa đổi Điều lệ công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực từ 01/7/2015.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có ý kiến khác với ý kiến kiểm toán.

PHẦN IV – ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

HĐQT Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thành tốt các kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Trong năm 2014, ngoài các phiên họp chính thức, HĐQT đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nhiều quyết định và nội dung quản trị. HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động kinh doanh năm 2014 trong điều kiện tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, biến động phức tạp nhưng Công ty vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.
- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014 và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty: Tổng Giám đốc tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Định hướng kinh doanh : khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.
- Cơ cấu lại mô hình tổ chức kinh doanh theo hướng chuyển các bộ phận có đủ điều kiện thành mô hình công ty con để nâng cao tính pháp lý và chủ động trong kinh doanh.
- Nghiên cứu và triển khai việc đầu tư kho bãi và văn phòng trong điều kiện mới cho phù hợp thực tế.

PHẦN V – QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2014-2019): 5 người.

Trong đó :

- Thành viên độc lập: 01 người
- Thành viên kiêm nhiệm: 03 người .

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Vinalink	Chức vụ tại Công ty khác	Tỷ lệ CP nắm giữ/VĐL (VNL)	
				01/01/2014	31/12/2014
1	Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐQT Cty liên doanh LCM & FC	1.00%	1.00%
2	Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT Cty Vinatrans	2.60%	2.60%
3	Ông Đinh Quang Ngọc	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	Ủy viên HĐQT Cty liên doanh LCM & FC	0.13%	0.13%
4	Bà Trần Thị Bình	Thành viên HĐQT Kế toán trưởng Cty		0.62%	0.62%
5	Ông Trương Minh Long	Thành viên HĐQT Thành viên độc lập	Tổng Giám đốc Cty Vinatrans	1.12%	1.12%

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban chuyên môn của HĐQT mà phân công các thành viên HĐQT phụ trách các mảng công việc về Đầu tư – Phát triển, Tổ chức- Nhân sự và Lương - Thưởng.

- * Mảng công việc Đầu tư – Phát triển : Ông Nguyễn Nam Tiến - Chủ tịch HĐQT phụ trách
- * Mảng công việc Tổ chức – Nhân sự : Ông Vũ Thế Đức – Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT độc lập phụ trách
- * Mảng công việc Lương – Thưởng : Ông Trương Minh Long, thành viên HĐQT độc lập phụ trách

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- * Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện đúng theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- * Các thành viên HĐQT hoạt động theo phương thức không tập trung và thông qua các vấn đề được công khai tại các kỳ họp trực tiếp hoặc ý kiến bằng văn bản. Cụ thể, năm 2014, HĐQT đã tổ chức 6 cuộc họp tập trung và 5 cuộc họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời thông qua các vấn đề của Công ty.

- Nội dung và kết quả các cuộc họp thể hiện qua các Nghị quyết / Quyết định sau đây :

STT	Các Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
1	Lấy ý kiến qua email	14/3/2014	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bầu cử HĐQT/ BKS nhiệm kỳ 2014 – 2019 vào tháng 4/2014 : công tác chuẩn bị, tổ chức & thời gian thực hiện.	Lấy ý kiến qua email
2	527/2014/CV/VNL-HĐQT	11/4/2014	Công bố các tài liệu có liên quan đến ĐHĐCĐ và bầu cử HĐQT/ BKS.	
3	551/2014/BB/VNL-HĐQT	11/04/2014	- Báo cáo tình hình kinh doanh và triển khai thực hiện các dự án năm 2013. - Thông qua kết quả kinh doanh 2013 và kế hoạch năm 2014 trình ĐHĐCĐ thường niên. - Thông qua các tài liệu ĐHĐCĐ lần thứ 15 năm 2014.	
4.	623/2014/NQ-VNL-HĐQT	26/04/2014	Nghị quyết của ĐHĐCĐ lần thứ 15	
5.	624/2014/NQ-VNL-HĐQT	26/04/2014	Nghị quyết của ĐHĐCĐ lần thứ 15 v/v thay đổi tên Công ty và bổ sung chức năng kinh doanh theo mã ngành.	
6	626/2014/NQ-VNL-HĐQT	26/04/2014	- Bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2014-2019 - Bổ nhiệm lãnh đạo Công ty nhiệm kỳ 2014-2017 - Bổ nhiệm người được ủy quyền Công bố thông tin - Bổ nhiệm Thư ký Công ty - Cử người đại diện vốn của Vinalink tại các công ty liên doanh, liên kết - Chi cổ tức đợt 2/2014	
7	636/2014/QĐ/VNL-HĐQT	28/04/2014	- Quyết định v/v chi cổ tức Đợt 2/2013 – 13%	
8	694/2014/NQ/VNL-HĐQT	06/05/2014	- Quyết định việc phân công thành viên HĐQT phụ trách các mảng công việc của HĐQT.	Lấy ý kiến qua email
9	818/2014/NQ/VNL-HĐQT	22/5/2014	- Quyết định về việc phân công thành viên HĐQT tham gia Hội đồng thành viên của hai công ty liên doanh FC (Vietnam) và LCM (Vietnam)	Lấy ý kiến qua email
10	863/2014/QĐ/VNL-HĐQT	27/5/2014	- Quyết định giao kế hoạch kinh doanh 2014 cho Công ty CP Logistics Vinalink	
11	866/2014/QĐ/VNL-HĐQT	27/5/2014	- Quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Lê Quốc Hùng	

12	1022/2014/NQ/VNL -HĐQT	18/6/2014	- Nghị quyết HĐQT chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 của Công ty.	Lấy ý kiến qua email
13	1632/2014/NQ/VNL -ADM	04/09/2014	- Quyết nghị v/v chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2014	
14	1633/2014/NQ/VNL -ADM	04/09/2014	- Quyết nghị v/v chấm dứt Hợp đồng hợp tác và giải thể Công ty CP Hưng Thuận-Vinalink	
15	1691/2014/NQ/VNL -ADM	10/09/2014	- Quyết nghị v/v điều chỉnh thời gian chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức đợt 1/2014	
16	2078/2014/NQ/VNL -HĐQT	22/10/2014	- Quyết nghị v/v chuyển nhượng cổ phần của Vinalink tại Cty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT)	
17	2080/2014/NQ/VNL -HĐQT	22/10/2014	- QĐ thành lập Ban tổ chức bán thỏa thuận cổ phần VNT.	
18	2150/2014/NQ/VNL -ADM	30/10/2014	- Quyết nghị v/v thông qua phương án đền bù di dời phục vụ dự án khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành	
19	2151/2014/NQ/VNL -ADM	30/10/2014	- Quyết nghị v/v hợp tác với Công ty CP Đường Khánh Hội để khai thác khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành	
20	2616/2014/NQ/VNL -HĐQT	08/12/2014	- Nghị quyết HĐQT v/v cử Ông Dương Việt Hà là người đại diện vốn của Công ty CP Logistics Vinalink tại Công ty TNHH Vận tải Việt – Nhật (Konoike Vina).	Lấy ý kiến qua email

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ/VĐL	
			01/01/2014	31/12/2014
Ban Kiểm soát (3 người)				
1	Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Trưởng BKS	0.28%	0.28%
2	Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên BKS	0.05%	0.05%
3	Bà Trang Anh Xuân	Thành viên BKS	0.94%	0.94%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Kiểm soát và làm việc trực tiếp với các đoàn kiểm toán năm 2014 và kiểm tra báo cáo tài chính 2014.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1.1. Thù lao và quỹ HĐQT và BKS năm 2014 là 2% lợi nhuận sau thuế được phân phối, cụ thể như sau :

- Chủ tịch HĐQT : 10 triệu đồng/ quý
- Phó Chủ tịch HĐQT : 9 triệu đồng / quý
- Thành viên HĐQT : 8 triệu đồng /quý
- Trưởng BKS : 8 triệu đồng/quý
- Thành viên BKS : 2 triệu đồng /quý.

3.1.2. Tiền lương của Ban Giám đốc:

- Tổng Giám đốc : 48.5 triệu đồng / tháng
- Phó Tổng Giám đốc : 37 triệu đồng/ tháng
- Kế toán trưởng : 28 triệu đồng/ tháng

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thành Nam	Em Ông Nguyễn Nam Tiến	7.690	0.09%	0	0	Bán
2	Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Ông Vũ Thế Đức (Phó CT HĐQT Cty Vinalink) là thành viên HĐQT Cty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT)	1.320.000	24.37 %	0	0	Bán

5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không phát sinh

6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

PHẦN VI – BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán DTL

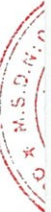
1. Ý kiến của đơn vị kiểm toán
2. Báo cáo tài chính hợp nhất 2014 đã kiểm toán



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS VINALINK
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2014	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 34

123
CC
KH
KI
17

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng. Ngày 24 tháng 06 năm 1999, Xí Nghiệp được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại theo Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 11 năm 2014.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con là Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia).

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Bình	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014
Ông Đinh Quang Ngọc	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014
Ông Trương Minh Long	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Trưởng ban
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC





Số: 15.142/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2015 từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TẶNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ NGỌC BẢO

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2136-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		245.152.736.267	138.052.832.027
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	140.920.449.173	42.537.241.656
1. Tiền	111		33.866.957.942	31.662.396.007
2. Các khoản tương đương tiền	112		107.053.491.231	10.874.845.649
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		900.000.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		900.000.000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	98.870.389.588	91.490.286.105
1. Phải thu khách hàng	131		82.868.705.306	65.124.596.541
2. Trả trước cho người bán	132		10.419.253.397	20.040.535.289
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		7.935.909.116	8.678.632.506
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.353.478.231)	(2.353.478.231)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.461.897.506	4.025.304.266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		130.027.303	168.375.802
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.792.236	52.070.923
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.3)	4.297.077.967	3.804.857.541

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62.872.056.196	80.785.278.719
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		9.261.277.874	11.843.981.719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	9.261.277.874	11.843.981.719
+ Nguyên giá	222		31.834.436.287	31.736.334.228
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.573.158.413)	(19.892.352.509)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.5)	53.045.342.485	68.307.630.621
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		52.319.192.485	67.581.480.621
3. Đầu tư dài hạn khác	258		726.150.000	726.150.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		565.435.837	633.666.379
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		119.891.837	195.522.379
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		445.544.000	438.144.000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		308.024.792.463	218.838.110.746

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		133.733.859.934	64.053.908.346
I. Nợ ngắn hạn	310		133.520.716.934	63.817.141.986
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.6)	28.039.005.778	34.362.623.541
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.6)	50.289.916.848	11.393.171.444
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.7)	10.127.741.221	2.535.567.282
5. Phải trả người lao động	315	(5.8)	7.308.757.600	7.517.966.925
6. Chi phí phải trả	316		1.343.334.200	4.185.652.107
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.9)	34.773.619.860	1.795.214.984
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.10)	1.638.341.427	2.026.945.703
II. Nợ dài hạn	330		213.143.000	236.766.360
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		213.143.000	236.766.360
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.290.932.529	154.784.202.400
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.11.1)	174.290.932.529	154.784.202.400
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.955.270.400	5.203.566.453
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.000.000.000	5.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414			(197.133.529)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		8.306.704	16.630.843
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			2.147.000.708
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			120.614.035
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		346.747.302	1.516.020.327
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.11.4)	72.980.608.123	50.977.503.563
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439			

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ + USD		960.305,95	1.315.705,73
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN ANH NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		668.370.861.506	582.954.446.546
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	668.370.861.506	582.954.446.546
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	639.160.413.854	555.218.383.292
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.210.447.652	27.736.063.254
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	8.294.601.434	11.372.276.897
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	7.461.782.318	10.260.395.183
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	13.214.188.459	12.548.146.825
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.829.078.309	16.299.798.143
11. Thu nhập khác	31		396.818.182	454.545.455
12. Chi phí khác	32		311.503.201	172.393.768
13. Lợi nhuận khác	40		85.314.981	282.151.687
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		45.010.626.160	14.380.524.977
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		61.925.019.450	30.962.474.807
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	(6.6)	11.752.194.237	4.443.304.282
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		50.172.825.213	26.519.170.525
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71			
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	72		50.172.825.213	26.519.170.525
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của Công ty mẹ	80	(5.11.3)	5.575	2.947

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN ANH NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		61.925.019.450	30.962.474.807
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.144.870.622	3.167.972.632
Các khoản dự phòng	03			109.156.510
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(392.096.087)	(1.262.287.228)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(45.390.741.776)	(15.679.491.492)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		19.287.052.209	17.297.825.229
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.980.046.252)	(22.493.486.438)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		62.161.510.286	10.661.902.107
Tăng giảm chi phí trả trước	12		113.979.041	696.146.910
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.538.116.314)	(3.247.552.018)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		294.367.000	153.776.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4.780.994.636)	(4.103.904.852)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		64.557.751.334	(1.035.293.062)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(851.534.909)	(1.610.732.800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		395.454.546	450.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(900.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			620.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(8.011.889.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		43.560.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.366.020.835	11.086.958.782
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		51.569.940.472	2.534.336.982

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.000.000.000)	(13.146.122.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.000.000.000)	(13.146.122.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		98.127.691.806	(11.647.078.080)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.537.241.656	52.804.286.480
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		255.515.711	1.380.033.256
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		140.920.449.173	42.537.241.656

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN ANH NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng. Ngày 24 tháng 06 năm 1999, Xí Nghiệp được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại theo Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 11 năm 2014.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con, được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Ngoài ra, Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 Công ty còn có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 353 (31/12/2013: 347 nhân viên).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

1.3. Danh sách công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</u>
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Số 144, Đường 169, Sangket Veal Vong, Khan 7 Makara, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia	100%	100%

1.4. Công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	29,28%	29,28%
2.	Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina	Số 18A, Đường Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%
3.	Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Số 44, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	51,00%
4.	Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30, Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	49,00%
5.	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 145-147, Đường Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	33,33%	45,00%
6.	Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Lô KB13, Đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyệt Hải, TP. Lào Cai	30%	30%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại, báo cáo tài chính công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất tối đa không quá 10 năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - "Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất" để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

- Tập đoàn hạch toán tỷ giá hối đoái theo phương pháp tỷ giá hạch toán.
- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 11 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CHỖ
ĐÓNG
CHỮ

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Cước vận tải quốc tế	0%
+ Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả ngắn hạn khác, chi phí phải trả và phải trả dài hạn khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	3.756.290.340	2.525.317.279
Tiền gửi ngân hàng	30.110.667.602	29.137.078.728
Các khoản tương đương tiền	107.053.491.231	10.874.845.649
Tổng cộng	140.920.449.173	42.537.241.656

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	82.868.705.306	65.124.596.541
Trả trước cho người bán	10.419.253.397	20.040.535.289
Các khoản phải thu khác	7.935.909.116	8.678.632.506
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	101.223.867.819	93.843.764.336
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.353.478.231)	(2.353.478.231)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	98.870.389.588	91.490.286.105

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Khoản trả trước cho người bán chủ yếu là 2 khoản ứng trước sau:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.532.207 đồng.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai	7.396.356.080	7.396.356.080
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	966.122.000
Khác	539.553.036	316.154.426
Cộng	7.935.909.116	8.678.632.506

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.3. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu là khoản tạm ứng cho nhân viên để làm hàng.

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.052.973.806	1.668.890.673	20.903.498.884	1.110.970.865	31.736.334.228
Mua trong năm	-	-	670.363.636	181.171.273	851.534.909
Tăng khác	-	-	5.365.000	4.130.340	9.495.340
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(762.928.190)	-	(762.928.190)
Số dư cuối năm	<u>8.052.973.806</u>	<u>1.668.890.673</u>	<u>20.816.299.330</u>	<u>1.296.272.478</u>	<u>31.834.436.287</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.347.612.106	902.011.451	11.981.767.746	660.961.206	19.892.352.509
Khấu hao trong năm	572.796.808	203.455.728	2.108.441.050	260.177.036	3.144.870.622
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(464.064.718)	-	(464.064.718)
Số dư cuối năm	<u>6.920.408.914</u>	<u>1.105.467.179</u>	<u>13.626.144.078</u>	<u>921.138.242</u>	<u>22.573.158.413</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.705.361.700	766.879.222	8.921.731.138	450.009.659	11.843.981.719
Tại ngày cuối năm	<u>1.132.564.892</u>	<u>563.423.494</u>	<u>7.190.155.252</u>	<u>375.134.236</u>	<u>9.261.277.874</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.741.590.941 đồng.

5.5. Đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	25.117.088.447	47.896.297.770
Đầu tư vào công ty liên doanh	27.202.104.038	19.685.182.851
Đầu tư dài hạn khác	726.150.000	726.150.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	<u>53.045.342.485</u>	<u>68.307.630.621</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	<u>53.045.342.485</u>	<u>68.307.630.621</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

VND

	Số lượng cổ phần	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 31/12/2014	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2014
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	439.200	4.392.000.000	6.896.499.447
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	1.822.059	18.220.589.000	18.220.589.000
Tổng cộng		22.612.589.000	25.117.088.447

Trong năm, Công ty đã bán toàn bộ khoản vốn góp tại Công ty liên kết VNT Logistics.

Đầu tư vào công ty liên doanh được chi tiết như sau:

VND

	Tỷ lệ lợi ích	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 31/12/2014	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2014
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	9,15%	4.908.430.302	8.427.473.589
Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	51%	3.680.051.500	6.886.825.665
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	49%	3.148.740.000	9.464.798.949
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	45%	2.130.300.000	2.423.005.835
Tổng cộng		13.867.521.802	27.202.104.038

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	9,81%	726.150.000	9,81%	726.150.000
Tổng cộng		726.150.000		726.150.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.6. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	28.039.005.778	34.362.623.541
Người mua trả tiền trước	<u>50.289.916.848</u>	<u>11.393.171.444</u>
Tổng cộng	<u>78.328.922.626</u>	<u>45.755.794.985</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Các khoản người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Công nợ đại lý nước ngoài	13.124.950.615	10.822.232.147
Doanh thu nhận trước	36.000.000.000	-
Các khoản khác	<u>1.164.966.233</u>	<u>570.939.297</u>
Tổng cộng	<u>50.289.916.848</u>	<u>11.393.171.444</u>

Doanh thu nhận trước là khoản lợi nhuận khoán gọn trước thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội trả trước cho Tập đoàn theo hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 giữa hai bên - xem thêm mục 10.

5.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	840.240.647	615.365.730
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.871.727.530	1.665.310.948
Thuế thu nhập cá nhân	101.695.767	95.068.217
Các loại thuế khác	<u>314.077.277</u>	<u>159.822.387</u>
Tổng cộng	<u>10.127.741.221</u>	<u>2.535.567.282</u>

5.8. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả cho nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.9. Phải trả, phải nộp ngắn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức	353.878.000	-
Tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>1.619.741.860</u>	<u>1.795.214.984</u>
Tổng cộng	<u>34.773.619.860</u>	<u>1.795.214.984</u>

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội phải trả Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 10.

5.10. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.026.945.703	2.580.538.623
Trích lập trong năm	4.067.000.000	2.729.408.000
Sử dụng trong năm	<u>(4.455.604.276)</u>	<u>(3.283.000.920)</u>
Số dư cuối năm	<u>1.638.341.427</u>	<u>2.026.945.703</u>

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

.11. Vốn chủ sở hữu**.11.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: Triệu đồng</i>									
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	90.000	4.950	4.000	-	-	-	-	-	34.713	133.663
Ợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	26.519	26.519
Ợi ích liên doanh, liên kết đầu năm hạn bổ	-	253	1.000	(197)	17	2.147	120	1.516	11.053	15.909
hĩa cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(13.500)	(13.500)
iảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.807)	(7.807)
ố dư đầu năm nay	90.000	5.203	5.000	(197)	17	2.147	120	1.516	50.978	154.784
Ợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	50.172	50.172
Ợi ích liên doanh, liên kết phân bổ	-	(248)	-	197	(17)	(2.147)	(120)	(1.168)	(5.092)	(8.595)
ăng khác	-	-	-	-	8	-	-	-	-	8
hĩa cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(18.000)	(18.000)
rích lập quỹ	-	-	1000	-	-	-	-	-	(5.067)	(4.067)
iảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(11)	(11)
ố dư cuối năm	90.000	4.955	6.000	-	8	-	-	348	72.980	174.291

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.11.2. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.11.3. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	50.172.825.213	26.519.170.525
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong năm	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	5.575	2.947

5.11.4. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	50.977.503.563	34.713.256.681
Lợi nhuận sau thuế trong năm	50.172.825.213	26.519.170.525
Lợi ích liên doanh, liên kết phân bổ theo PP vốn chủ sở hữu	(5.091.804.242)	11.052.389.209
Chia cổ tức	(18.000.000.000)	(13.500.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.600.000.000)	(2.313.929.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(467.000.000)	(415.479.000)
Khác	(10.916.411)	(4.077.904.852)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	72.980.608.123	50.977.503.563

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu phòng hàng không	141.012.987.685	134.777.996.229
Doanh thu phòng đường biển	91.750.825.563	90.883.900.165
Doanh thu phòng logistics	64.509.967.270	58.388.089.178
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	316.278.881.613	252.914.211.286
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	52.450.024.609	45.160.018.649
Doanh thu tại Công ty con	2.368.174.766	830.231.039
Doanh thu thuần	668.370.861.506	582.954.446.546

6.2. Giá vốn hàng bán

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn phòng hàng không	134.304.848.298	126.957.059.253
Giá vốn phòng đường biển	83.267.513.216	85.235.588.375
Giá vốn phòng logistics	55.648.053.155	47.956.547.559
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	312.639.235.441	248.764.030.031
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	51.458.239.106	44.462.286.995
Giá vốn dịch vụ tại Công ty con	1.842.524.638	1.842.871.079
Tổng cộng	639.160.413.854	555.218.383.292

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	680.000.430
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.991.748.583	10.322.478.160
Lãi tiền gửi ngân hàng	302.852.851	338.660.522
Khác	-	31.137.785
Tổng cộng	8.294.601.434	11.372.276.897

6.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.573.724.361	5.680.358.489
Chi phí vật liệu	661.844.755	647.897.438
Chi phí đồ dùng văn phòng	246.620.565	249.274.155
Chi phí khấu hao tài sản cố định	468.902.833	571.739.464
Thuế, phí và lệ phí	27.438.344	196.127.183
Chi phí dự phòng	-	109.156.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.174.227.876	3.864.236.061
Chi phí quản lý khác	1.061.429.725	1.229.357.525
Tổng cộng	13.214.188.459	12.548.146.825

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	61.925.019.450	30.962.474.807
Cộng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2013 của Công ty con tại Campuchia	202.484.420	-
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	8.591.428.323	7.948.492.909
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	8.578.788.594	6.686.333.102
- Chi phí hoa hồng vượt mức khống chế	-	1.262.159.807
- Điều chỉnh thuế GTGT năm 2013 và phạt chậm nộp thuế	12.639.729	-
Cộng thu nhập từ bán cổ phần trong Công ty liên kết theo báo cáo riêng	30.360.000.000	-
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(680.000.430)
Trừ phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	(45.010.626.160)	(14.380.524.977)
Trừ các khoản điều chỉnh giảm khác	(612.597.490)	(1.785.123.775)
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 22%	(30.916.201.172)	-
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 25%	-	(654.649.325)
Thu nhập từ công ty con phát sinh trong năm	127.610.671	(202.484.421)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	24.667.118.042	21.208.184.788
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	4.933.423.608	4.241.636.958
Cộng chi phí thuế TNDN từ thu nhập khác	6.801.564.258	163.662.331
Chi phí thuế TNDN trong năm	11.734.987.866	4.405.299.289
Điều chỉnh tăng chi phí thuế TNDN của năm trước	18.603.635	-
Trừ chi phí thuế công ty con đã nộp ở Campuchia	(44.546.572)	-
Cộng chi phí thuế TNDN từ công ty con	43.149.308	38.004.993

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế là các khoản mục không được khấu trừ khi tính thuế theo quy định của luật thuế TNDN như các khoản điều chỉnh thuế GTGT năm 2013 và phạt chậm nộp thuế,....

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế khác là lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản mục tiền, phải thu khách hàng.

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	44.753.142.146	40.853.041.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.144.870.622	3.167.972.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	492.554.743.117	442.235.978.851
Chi phí khác bằng tiền	<u>111.921.846.428</u>	<u>91.942.326.404</u>
Tổng cộng	<u>652.374.602.313</u>	<u>578.199.319.068</u>

(Phần tiếp theo ở trang 29)



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Các thông tin khác

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
Tài sản của bộ phận	264.579	162.312	49.743	41.771	29.892	25.396	(36.189)	(10.641)	308.025	218.838
Tổng tài sản hợp nhất	264.579	162.312	49.743	41.771	29.892	25.396	(36.189)	(10.641)	308.025	218.838
Nợ phải trả của bộ phận	111.359	30.191	45.537	37.966	13.027	6.538	(36.189)	(10.641)	133.734	64.054
Tổng nợ phải trả hợp nhất	111.359	30.191	45.537	37.966	13.027	6.538	(36.189)	(10.641)	133.734	64.054

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước		
Chi phí mua sắm tài sản	91	819	749	122	11	670	-	-	851	1.611
Chi phí khấu hao	2.229	2.260	257	146	659	762	-	-	3.145	3.168

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề giao nhận vận tải, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các bên sau đây được xem là có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
5. Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Góp vốn vào công ty liên kết	-	8.011.889.000
Bán vốn góp đầu tư vào công ty liên kết	43.560.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	1.882.756.764	2.426.470.007
Sử dụng dịch vụ	2.339.624.480	2.175.004.492

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	331.500.000	294.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty	1.870.455.358	2.088.113.430
Tổng cộng	2.201.955.358	2.382.113.430

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

- Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.920.449.173	42.537.241.656
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.515.227.075	63.737.240.310
Đầu tư ngắn hạn khác	900.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	445.544.000	438.144.000
Tổng cộng	223.507.370.248	107.438.775.966
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	28.392.883.778	35.911.396.349
Chi phí phải trả	1.343.334.200	4.185.652.107
Phải trả dài hạn khác	213.143.000	236.766.360
Tổng cộng	29.949.360.978	40.333.814.816

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	613.237,57	592.743,06	1.977.843,90	1.678.228,80

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản nợ và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

				VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng	
Phải trả người bán và phải trả khác	28.392.883.778	-	28.392.883.778	
Chi phí phải trả	1.343.334.200	-	1.343.334.200	
Phải trả dài hạn khác	-	213.143.000	213.143.000	
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng	
Phải trả người bán và phải trả khác	35.911.396.349	-	35.911.396.349	
Chi phí phải trả	4.185.652.107	-	4.185.652.107	
Phải trả dài hạn khác	-	236.766.360	236.766.360	

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

VND

31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.515.227.075	-	80.515.227.075
Đầu tư ngắn hạn khác	900.000.000	-	900.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	-	445.544.000	445.544.000
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.737.240.310	-	63.737.240.310
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	-	438.144.000	438.144.000

10. THUYẾT MINH KHÁC

Trong năm, Tập đoàn có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo đó, Tập đoàn sẽ góp vốn bằng toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Tập đoàn sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 24 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN ANH NAM

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2015

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NAM TIẾN